CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ UOB ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM)
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ UOB ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM)
Date: 2026.07.16 15:58:21 +07'00'

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ UOB ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM)

Quý 02/2026

(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư United Thu Nhập Năng Động Việt Nam**

Tên viết tắt: **UVDIF**

Loại hình quỹ: **Quỹ mở đại chúng**

Giấy phép thành lập quỹ số: **120/GCN-UBCK cấp ngày 06/08/2024**

1. Mục tiêu của Quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm đồng thời nguồn thu nhập đều đặn định kỳ và tăng trưởng về vốn gốc trong dài hạn thông qua việc xây dựng một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định và cổ phiếu chất lượng cao. Quỹ cũng hướng đến mục tiêu chi trả lợi tức mỗi năm.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm 1,82% so với đầu năm và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ tăng 0,4% so với đầu năm.

Kỳ báo cáo	NAV (đồng)	NAV/chứng chỉ quỹ (đồng/ccq)
30/06/2026	146.494.727.644	11.167,20
31/03/2026	152.188.391.382	10.967,07
31/12/2025	149.205.782.775	11.122,44

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đầu tư đa dạng và phù hợp với các quy định đầu tư, bao gồm các lớp tài sản với tỷ trọng phân bổ kỳ vọng như sau:

Loại hình đầu tư	Tỷ trọng tính trên NAV
Cổ phiếu	20% - 80%
Tài sản có thu nhập cố định	20% - 80%

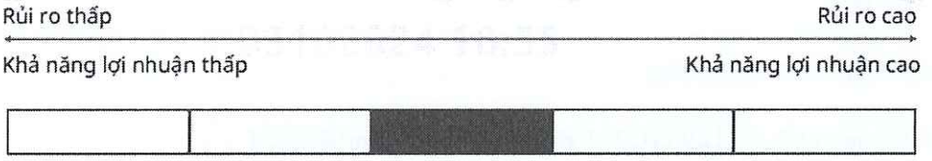
Tùy theo tình hình thị trường cũng như các đánh giá phân tích mà Quỹ có sự linh hoạt trong tỷ trọng phân bổ nêu trên. Việc phân bổ từng loại tài sản tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này.

4. **Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 40/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 05 năm 2024 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 120/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 08 năm 2024.

5. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.
6. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro trung bình.



Mức độ rủi ro và lợi nhuận lịch sử không phải là chỉ số thể hiện mức độ rủi ro và lợi nhuận của Quỹ trong tương lai. Mức độ rủi ro và lợi nhuận của Quỹ có thể thay đổi theo thời gian. Trong trường hợp mức độ rủi ro của Quỹ ở mức thấp nhất cũng không có nghĩa là việc đầu tư vào Quỹ không có rủi ro.

7. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 06/08/2024.
8. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

Tại kỳ báo cáo, số lượng Chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành của Quỹ là 13.118.297,84 chứng chỉ quỹ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 131.182.978.400 đồng. Giá trị tài sản ròng của Quỹ là 146.494.727.644 đồng.

Vốn của quỹ theo mệnh giá (VNĐ)	131.182.978.400
Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ)	13.118.297,84
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	146.494.727.644

9. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Quỹ không có đăng ký chỉ số tham chiếu trên Điều lệ/Bản cáo bạch.
10. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Công Ty Quản Lý Quỹ được phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành. Lợi nhuận được phân phối cho nhà đầu tư bởi Công ty Quản lý Quỹ sau khi đã khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

11. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**:

Tại kỳ báo cáo, Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là không (0) đồng. Trong giai đoạn từ lúc thành lập đến thời điểm lập báo cáo Quỹ chưa thực hiện phân phối lợi nhuận và chưa chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ:

Cơ cấu tài sản quỹ	30/06/2026 (%/Tổng tài sản)	30/06/2025 (%/Tổng tài sản)	30/06/2024 *Quỹ chưa thành lập*
1. Cổ phiếu niêm yết/chưa niêm yết	29,852%	31,200%	-
2. Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu PHRL đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch chứng khoán (*)	55,283%	47,374%	-
3. Trái phiếu chưa niêm yết (*)	8,180%	9,263%	-
4. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	1,462%	1,701%	-
5. Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (*)	-	7,182%	-
6. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	5,124%	3,280%	-
7. Cổ tức dự thu (Cash dividend)	0,099%	-	-
8. Phải thu khác (Phải thu bán các khoản đầu tư)	-	-	-
Tổng cộng	**100%**	**100%**	-

(*) Số liệu đã bao gồm dự thu tiền lãi trái phiếu, lãi dự thu hợp đồng tiền gửi tính đến kỳ báo cáo.

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024 *Quỹ chưa thành lập*
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	146.494.727.644	104.950.979.052	-
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	13.118.297,84	10.253.885,35	-
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ)	11.167,20	10.235,24	-
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	11.338,98	10.235,24	-
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	10.235,24	9.476,26	-
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ)	*Không áp dụng*	*Không áp dụng*	-
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	*Không áp dụng*	*Không áp dụng*	-
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ)	*Không áp dụng*	*Không áp dụng*	-

2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (*)	1,82%	1,77%	-
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) (*)	0,88%	0,77%	-
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (*)	0.95%	0,99%	-
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	*Không có*	*Không có*	-
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	*Không có*	*Không có*	-
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	*Không có*	*Không có*	-
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ tại kỳ báo cáo năm (%)	2,37%	2,82%	-
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục tại kỳ báo cáo năm (%)	69,49%	87,54%	-

Ghi chú: *Quỹ UVDIF được thành lập kể từ ngày 06/08/2024, Quỹ không niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

(*) Các chỉ tiêu này được tính theo công thức sau:

$$Tổng\ tăng\ trưởng = \frac{NAV\ của\ 1\ CCQ\ cuối\ kỳ}{NAV\ của\ 1\ CCQ\ đầu\ kỳ} - 1$$

$$Tăng\ trưởng\ thu\ nhập = \frac{Kết\ quả\ hoạt\ động\ đã\ thực\ hiện/Số\ lượng\ CCQ\ cuối\ kỳ}{NAV\ của\ 1\ CCQ\ đầu\ kỳ}$$

$$Tăng\ trưởng\ vốn = Tổng\ tăng\ trưởng - Tăng\ trưởng\ thu\ nhập$$

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	9,11%	9,11%
- 3 năm	Quỹ hoạt động chưa đủ 3 năm	Quỹ hoạt động chưa đủ 3 năm
- Từ khi thành lập	11,67%	5,98%
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có	Không có

Ghi chú: *Quỹ UVDIF được thành lập từ ngày 06/08/2024 nên chưa đủ thời gian 3 năm hoạt động.*

$$Tăng\ trưởng\ NAV/CCQ\ hàng\ năm\ (giai\ đoạn\ 3\ năm) = \sqrt[3]{(1+R1)(1+R2)(1+R3)} - 1$$

$$Tăng\ trưởng\ NAV/CCQ\ hàng\ năm\ (từ\ khi\ thành\ lập) = \sqrt[n]{(1+R1)(1+R2)....(1+Rn)} - 1$$

4. Tăng trưởng hàng năm (so với cùng kỳ năm trước):

Thời kỳ	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	9,11%	Quỹ chưa hoạt động đủ 1 năm	Quỹ chưa thành lập

Ghi chú: *Quỹ UVDIF được thành lập từ ngày 06/08/2024.*

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

CẬP NHẬT VĨ MÔ

Kinh tế Việt Nam tăng tốc mạnh trong Q2/2026, với tăng trưởng GDP đạt 8,39% so với cùng kỳ — mức nhanh nhất trong chu kỳ hiện tại.

GDP quý 2 tăng 8,39% so với cùng kỳ, cao hơn mức 7,94% đã điều chỉnh của quý 1, đưa tăng trưởng nửa đầu năm 2026 lên 8,18% (so với 7,63% trong nửa đầu năm 2025). Tăng trưởng lan tỏa từ phía cung: công nghiệp & xây dựng tăng 10,51% (đóng góp khoảng 50% giá trị tăng thêm) và dịch vụ tăng 7,87% (khoảng 44%). Về phía cầu, tích lũy tài sản tăng 15,2% và xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 20,18%. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng cả năm trên 10%, đồng nghĩa nửa cuối năm phải đạt khoảng 11,7%, cho thấy định hướng chính sách hiện đang ưu tiên tối đa cho tăng trưởng.

Động lực sản xuất vẫn ở xu hướng mở rộng với chỉ số PMI đạt 51,8 trong tháng 6.

Chỉ số PMI đạt 51,8 trong tháng 6/2026, giảm từ 52,8 của tháng 5 nhưng vẫn trên ngưỡng 50 (không đổi) tháng thứ tư liên tiếp, chuỗi tốt nhất kể từ năm 2024. Diễn biến này cho thấy sản lượng và đơn hàng mới vẫn đang hồi phục, dù với tốc độ chậm lại khi cầu bên ngoài yếu đi.

Lạm phát hạ nhiệt trong tháng 6 nhưng vẫn ở mức khá sát trần chính sách.

CPI giảm về 4,7% so với cùng kỳ trong tháng 6/2026 từ đỉnh 5,6% của tháng 5, và giá giảm 0,4% so với tháng trước — lần giảm theo tháng đầu tiên trong năm, chủ yếu do lương thực và nhiên liệu. Dù vậy, lạm phát vẫn trên mức mục tiêu khoảng 4,5% và cao hơn nhiều so với khoảng 2,5% hồi tháng 1, khiến Ngân hàng Nhà nước (NHNN) còn ít dư địa nới lỏng.

Cán cân thương mại vẫn thâm hụt trong nửa đầu năm 2026 dù xuất khẩu kỷ lục.

Mức thâm hụt theo tháng của tháng 6 thu hẹp còn khoảng 2,6 tỷ USD (từ 5,2 tỷ USD trong tháng 5) khi xuất khẩu đạt kỷ lục khoảng 50,8 tỷ USD, nhưng cán cân thương mại lũy kế sáu tháng đầu năm vẫn thâm hụt 16,7 tỷ USD. Lũy kế từ đầu năm, nhập khẩu tăng khoảng 33% so với 21% của xuất khẩu; làn sóng nhập khẩu nguyên liệu và tái tích trữ gắn với chu kỳ xuất khẩu và đầu tư tiếp tục là nguyên nhân của thâm hụt và gây áp lực lên tỷ giá.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là điểm sáng nổi bật, với vốn thực hiện nửa đầu năm đạt kỷ lục và vốn đăng ký tăng vọt.

FDI giải ngân nửa đầu năm 2026 đạt kỷ lục 13,03 tỷ USD (tăng khoảng 11% so với cùng kỳ), trong khi FDI đăng ký (cấp mới và điều chỉnh) tăng vọt lên khoảng 28,4 tỷ USD (tăng khoảng 56%) — cả hai đều là kỷ lục cho giai đoạn này. Khu vực FDI chiếm khoảng 80% kim ngạch xuất khẩu. Vốn đăng ký theo tháng biến động mạnh (do các dự án lớn), nhưng vốn giải ngân ổn định, củng cố năng lực sản xuất và nền tảng xuất khẩu trung hạn.

Thanh khoản liên ngân hàng trong nước thắc chặt trong ba năm, và áp lực đang bộc lộ rõ trên lãi suất và tỷ giá.

Thanh khoản liên ngân hàng căng và nhiều biến động: lãi suất qua đêm bình quân tháng ở mức khoảng 5,4% trong tháng 6, nhưng vọt lên 12,49% ngày 30/6/2026 trước khi giảm về khoảng 6% ngày 1/7; lãi suất kỳ hạn duy trì ở mức cao (1 tháng khoảng 7,7%, 3 tháng khoảng 7,8%). Lợi suất trái phiếu chính phủ bật lên vùng đỉnh chu kỳ, kỳ hạn 10 năm đạt khoảng 4,5% và 15 năm khoảng 4,7%, kỳ hạn 1 năm quanh 3,6% làm đường

cong dốc lên (bear-steepening) và đẩy chi phí huy động của chính phủ và doanh nghiệp lên cao. Đồng VND suy yếu vào cuối tháng 6, giảm khoảng 11% trong ba năm và gần mức thấp kỷ lục, làm gia tăng lạm phát nhập khẩu và khiến NHNN phải tập trung vào ổn định tỷ giá.

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG

Thị trường cổ phiếu

Thị trường cổ phiếu Việt Nam bước vào giai đoạn tích lũy trong tháng 6 sau đợt tăng mạnh trước đó, với tâm lý nhà đầu tư trở nên cân bằng hơn giữa sự lạc quan về các yếu tố cơ bản trong nước và sự thận trọng trước những bất ổn bên ngoài. Chỉ số VN-Index dao động trong biên độ rộng trong phần lớn thời gian của tháng; ban đầu chỉ số suy yếu do lo ngại về căng thẳng địa chính trị leo thang và biến động giá dầu, nhưng sau đó dần hồi phục khi tâm lý chấp nhận rủi ro toàn cầu được cải thiện. Mặc dù chỉ số kết thúc tháng với diễn biến khá vững vàng, độ rộng thị trường vẫn thiếu đồng đều và hiệu suất tiếp tục phụ thuộc nhiều vào một số ít cổ phiếu vốn hóa lớn – đặc biệt là các mã liên quan đến Vingroup – cho thấy sự tập trung ngày càng cao vào nhóm dẫn dắt thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài duy trì trạng thái bán ròng trong phần lớn thời gian, tạo áp lực lên tâm lý thị trường dù có sự tham gia mạnh mẽ từ nhà đầu tư trong nước.

Diễn biến theo ngành ghi nhận sự luân chuyển dòng vốn nhanh chóng khi nhà đầu tư điều chỉnh danh mục để thích ứng với những thay đổi về kinh tế vĩ mô và điều kiện thị trường. Đầu tháng, nhóm cổ phiếu ngân hàng và một số mã công nghiệp vốn hóa lớn đóng vai trò trụ đỡ cho thị trường, trong khi cổ phiếu năng lượng hưởng lợi ngắn hạn từ đà tăng giá dầu do các diễn biến tại Trung Đông. Khi những lo ngại về địa chính trị dịu bớt và khẩu vị rủi ro cải thiện, dòng vốn dần chuyển hướng sang bất động sản, chứng khoán, vật liệu xây dựng và các ngành có tính chu kỳ khác, đặc biệt là những ngành được kỳ vọng hưởng lợi từ các chính sách hỗ trợ tăng trưởng trong nước. Trong giai đoạn cuối tháng 6, dòng tiền đầu cơ gia tăng mạnh ở một số mã bất động sản và tài chính, trong khi nhóm dẫn dắt thuộc khối vốn hóa lớn trở nên thu hẹp hơn. Nhìn chung, việc luân chuyển dòng vốn cho thấy nhà đầu tư vẫn giữ cái nhìn tích cực về triển vọng trung hạn của cổ phiếu Việt Nam, nhưng ngày càng thận trọng và có chiến lược cụ thể hơn trong việc giải ngân trước bối cảnh định giá ở mức cao và nhiều bất ổn bên ngoài.

Chỉ số VN-Index giảm 0,19% so với tháng trước (tính theo VND), đóng cửa ở mức 1.860,01 điểm. Thanh khoản thị trường (giá trị giao dịch bình quân ngày trên cả ba sàn) đạt 755,0 triệu USD, giảm 24,5% so với tháng 5, phản ánh tâm lý thận trọng và chọn lọc của nhà đầu tư. Chỉ số HNX-Index ghi nhận hiệu suất vượt trội với mức tăng 6,18% so với tháng trước (tính theo VND), nâng mức tăng trưởng từ đầu năm lên 25,88%.

Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với giá trị rút vốn đạt 580,0 triệu USD trong tháng 6.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Tính đến cuối tháng 6/2026, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp đang lưu hành đạt khoảng 1,36 triệu tỷ đồng. Giá trị phát hành trái phiếu trong tháng 6/2026 đạt 113,6 nghìn tỷ đồng, tăng 108% so với tháng trước (MoM) nhưng giảm 10,2% so với cùng kỳ năm trước (YoY). Kỳ hạn bình quân đạt 3,46 năm, với lãi suất coupon bình quân 9,3%/năm.

Xét theo ngành, bất động sản chiếm tỷ trọng phát hành lớn nhất với 45,9% tổng giá trị phát hành, tiếp theo là ngân hàng với 42,9%. Về phương thức phát hành, trái phiếu phát hành riêng lẻ chiếm 95,2%, trong khi trái phiếu phát hành ra công chúng chỉ chiếm 4,8% tổng giá trị phát hành trong tháng 6.

Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch bình quân ngày trong tháng 6/2026 đạt 5.610 tỷ đồng, giảm 12,0% so với tháng trước. Trong đó, trái phiếu niêm yết ghi nhận giá trị giao dịch bình quân 575 tỷ đồng/ngày, tăng 10,7% MoM, còn trái phiếu riêng lẻ đạt 5.034 tỷ đồng/ngày, giảm 14,0% MoM.

Về lợi suất trái phiếu, xét theo mức chênh lệch lợi suất (yield spread), ba nhóm ngành có mức cao nhất là Tài nguyên cơ bản (Basic Resources) với 11,4%, Ô tô & Linh kiện (Automobiles & Components) với 11,3%, và Dịch vụ tài chính (Financial Services) với 10,7%.

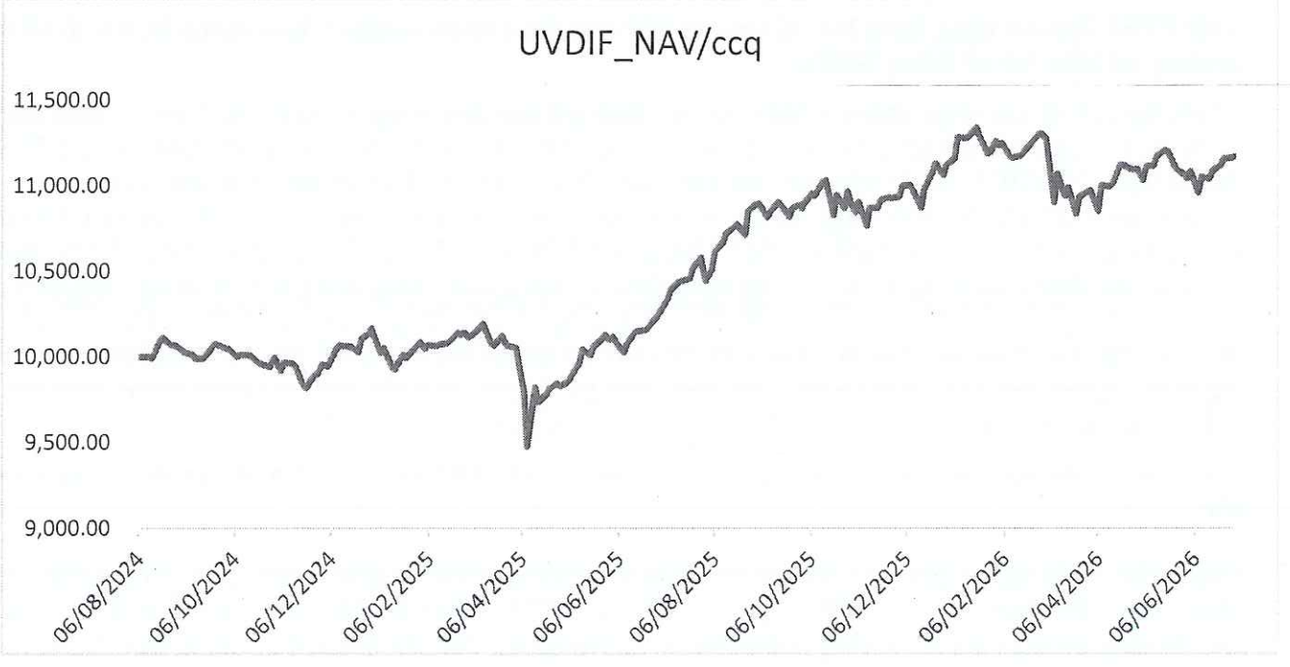
IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	7,407%	Quỹ hoạt động chưa đủ 3 năm	8,68%
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	1,698%	Quỹ hoạt động chưa đủ 3 năm	2,99%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	9,105%	Quỹ hoạt động chưa đủ 3 năm	11,67%
Tăng trưởng hàng năm NAV/1 đơn vị CCQ	9,11%	Quỹ hoạt động chưa đủ 3 năm	5,98%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

Ghi chú: *Quỹ UVDIF không có danh mục cơ cấu và chứng chỉ quỹ không niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

- Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ từ ngày thành lập đến nay.



• Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024	Tỷ lệ thay đổi
A	1	2	3	4= ((1) - (2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	146.494.727.644	104,950,979,052	*Quỹ chưa thành lập*	39,58%
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ (NAV/ccq)	11.167,20	10,235.24	*Quỹ chưa thành lập*	9,11%

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	551	427.541,01	3,259%
Từ 5.000 đến 10.000	34	250.960,02	1,913%
Từ 10.000 đến 50.000	54	1.299.212,07	9,904%
Từ 50.000 đến 500.000	54	7.111.574,38	54,211%
Trên 500.000	5	4.029.010,36	30,713%
Tổng cộng	**698**	**13.118.297,84**	**100%**

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ. Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Triển vọng thị trường cổ phiếu

Việc FTSE Russell nâng hạng lên thị trường Mới nổi thứ cấp (Secondary Emerging) là yếu tố hỗ trợ thị trường, có hiệu lực từ tháng 9/2026.

FTSE Russell đã xác nhận (tháng 4/2026, sau kỳ đánh giá tạm thời tháng 3) rằng Việt Nam sẽ được phân loại lại từ thị trường Cận biên lên Mới nổi thứ cấp, với việc đưa vào các bộ chỉ số cổ phiếu toàn cầu của FTSE bắt đầu từ ngày 21/9/2026 theo lộ trình kéo dài sang năm 2027. Danh sách cổ phiếu thành phần cuối cùng dự kiến công bố ngày 21/8/2026. Việc nâng hạng dựa trên việc triển khai thành công mô hình đối tác bù trừ toàn cầu / không ký quỹ trước (non-prefunding) theo Thông tư 08/2026/TT-BTC, giúp cải thiện đáng kể khả năng tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài. Việc nâng hạng được kỳ vọng khơi thông dòng vốn thụ động đáng kể và, theo thời gian, dòng vốn chủ động lớn hơn. Với tiềm năng dòng vốn thụ động từ các quỹ ETF và dòng vốn chủ động theo sau khi Việt Nam gia tăng độ nhận diện trên các chỉ số tạo lực đỡ cụ thể cho làn sóng bán ròng của khối ngoại trong nửa đầu năm 2026 và thúc đẩy việc định giá lại, đặc biệt khi định giá đang quanh mức P/E thấp. Về dài hạn, kỳ đánh giá tiếp theo của MSCI là cột mốc nâng hạng cần theo dõi.

Các yếu tố nền tảng hỗ trợ thị trường: tăng trưởng mạnh, FDI kỷ lục và lợi nhuận doanh nghiệp tăng tốc.

Chính phủ đã tái khẳng định cam kết đạt mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm ở mức 10%, đồng nghĩa với mức tăng trưởng đầy tham vọng là 11,9% trong nửa cuối năm 2026. Điều này phản ánh rõ nét quan điểm chính sách ưu tiên tăng trưởng kinh tế bất chấp những bất ổn từ bên ngoài. Các nhà hoạch định chính sách dường như sẵn

sàng triển khai đồng bộ cả các biện pháp tiền tệ và tài khóa nhằm duy trì đà tăng trưởng trong nước. Chúng tôi tin rằng bối cảnh vĩ mô hỗ trợ này sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các tài sản rủi ro trong những quý tới. Các cơ quan chức năng đã đưa ra nhiều biện pháp nới lỏng hơn nhằm hỗ trợ mở rộng tín dụng và thanh khoản hệ thống tài chính. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã được chỉ đạo tạo điều kiện linh hoạt hơn cho các ngân hàng đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng, đồng thời việc tăng cường sử dụng nguồn tiền gửi kho bạc tại NHNN cũng giúp bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng. Các biện pháp này đặc biệt hỗ trợ các ngân hàng quốc doanh đang chịu hạn chế về nguồn vốn đồng thời giảm bớt áp lực về tỷ lệ dư nợ tín dụng trên tổng tiền gửi (LDR) cao trong toàn ngành ngân hàng. Tổng thể lại, các động thái này sẽ thúc đẩy tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ hơn và hỗ trợ hoạt động đầu tư của doanh nghiệp.

Triển vọng thị trường trái phiếu

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp còn nhiều dư địa để phát triển sâu từ nền thấp khi cải cách và nhu cầu cùng hội tụ.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn nhỏ so với GDP và sự áp đảo của tín dụng ngân hàng, để lại dư địa cơ cấu đáng kể khi nền kinh tế cần vốn trung và dài hạn bên ngoài hệ thống ngân hàng. Các tổ chức xếp hạng duy trì triển vọng tín dụng ổn định đến cải thiện cho năm 2026, và hoạt động phát hành đang mở rộng nhờ minh bạch tốt hơn, nền tổ chức phát hành được xếp hạng ngày càng lớn và niềm tin nhà đầu tư phục hồi.

Chất lượng tín dụng cải thiện và áp lực đáo hạn giảm dần mở ra giai đoạn tăng trưởng bền vững hơn.

Áp lực đáo hạn giảm từ quý 3, thị trường đang chuyển từ giai đoạn xử lý khủng hoảng sang mở rộng bền vững. Việc tiếp tục siết chặt tiêu chuẩn phát hành, cùng với việc phát triển phân khúc trái phiếu phát hành ra công chúng có xếp hạng, sẽ mở rộng quy mô và tính minh bạch của thị trường theo thời gian, tuy nhiên, vẫn cần theo dõi yếu tố chi phí vốn hiện cao và rủi ro tồn dư vẫn tập trung nhiều ở bất động sản.

VI. THÔNG TIN KHÁC

- **Ban Đại diện Quỹ gồm có 04 thành viên:**

- **Chủ tịch Ban đại diện Quỹ:** Ông Đỗ Thanh Tùng, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Trung Tâm Pháp Việt Đào Tạo Về Quản Lý (CFVG Hồ Chí Minh), Chứng chỉ Chuyên gia Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA), Chứng chỉ Hành nghề Quản lý quỹ tại Việt Nam. Ông hiện là Giám đốc Tư vấn phát hành tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS). Trước khi tham gia vào TCBS, ông Tùng là Giám đốc phụ trách phân tích đầu tư tại CTCP Quản lý quỹ Kỹ Thương. Ngoài ra, Ông Tùng có kinh nghiệm về kiểm toán khi làm việc tại Deloitte Việt Nam.

- **Phó chủ tịch Ban đại diện Quỹ:** Bà Thiều Thị Nhật Lệ, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Học viện Quản lý Maastricht, Hà Lan và Chứng chỉ Hành nghề Quản lý quỹ tại Việt Nam. Bà hiện là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ UOB Asset Management (Việt Nam). Bà Lệ đảm nhiệm các vị trí điều hành cấp cao tại CTCP quản lý quỹ VAM Việt Nam (VAM) là công ty tiền thân của UOBAM (Việt Nam).

- **Thành viên Ban đại diện Quỹ:** Ông Lý Trung Thành, Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và Chứng chỉ kiểm toán viên, Chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán tại Việt Nam. Ông hiện là Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam. Ông Thành có

kinh nghiệm làm việc để cung cấp các dịch vụ với RSM US, RSM Singapore, RSM Hongkong and RSM China.

- **Thành viên Ban đại diện Quỹ:** Ông Lê Tiến Đạt, Cử nhân chuyên ngành Luật tại Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh và Chứng chỉ hành nghề Luật sư tại Việt Nam. Ông hiện là Giám đốc và Luật sư Điều hành của Công ty Luật TNHH ADK Vietnam và Trọng tài viên tại Trung tâm Trọng tài Thương mại phía Nam (STAC) và là thành viên của các hiệp hội chuyên môn như Hiệp hội Luật Châu Á – Thái Bình Dương (Lawasia), Đoàn Luật Sư TP.HCM, Liên đoàn luật sư Việt Nam.

- **Nhân sự điều hành Quỹ gồm có 02 thành viên:**

- **Giám đốc Đầu tư:** Ông Lê Thành Hưng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Chứng chỉ Chuyên gia Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA), Chứng chỉ Hành nghề Quản lý quỹ tại Việt Nam. Ông có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, tư vấn đầu tư và quản lý quỹ. Trước khi gia nhập vào CTCP quản lý quỹ VAM Việt Nam (VAM) là công ty tiền thân của UOBAM (Việt Nam) vào năm 2017, ông là Giám đốc Nghiên cứu Đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương. Trước đó ông là cổ đông sáng lập và Tổng Giám đốc CNAV Investment Counsel - đơn vị tư vấn quản lý một quỹ Canada đầu tư vào thị trường Việt Nam trong nhiều năm. Ông cũng từng giữ vai trò là Giám đốc Đầu tư và Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ Manulife Việt Nam trong 6 năm.

- **Chuyên viên Quản lý Danh mục Đầu tư:** Bà Nguyễn Hồng Nhung, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trung tâm Pháp Việt Đào Tạo về Quản lý (CFVG), Cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng trường Đại Học Ngân Hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Chứng chỉ Chuyên gia Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA), Chứng chỉ Hành nghề Quản lý quỹ tại Việt Nam. Bà có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, phân tích, tư vấn và quản lý đầu tư. Từ năm 2015, bà gia nhập CTCP quản lý quỹ VAM Việt Nam (VAM) là công ty tiền thân của UOBAM (Việt Nam).

Tp.HCM, ngày ...16... tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 49 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ UOB ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM)
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

THIỀU THỊ NHẬT LỆ